

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hợp nhất 02 Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025 và mẫu biểu báo cáo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022);*

*Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TU ngày 08/12/2023 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2024;*

*Căn cứ thực trạng hộ nghèo toàn tỉnh cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 06/TTr-LĐTBXH ngày 08/01/2024; ý kiến thống nhất của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 22/TB-UBND ngày 25/01/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo năm 2024 cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo, đảm bảo đạt chỉ tiêu giao; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và công nhận hộ thoát nghèo năm 2024 đảm bảo đúng quy định, chính xác, phản ánh đúng thực chất, không chạy theo thành tích.

2. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh căn cứ nhiệm vụ và địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện đạt chỉ tiêu giao.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổng hợp số lượng và danh sách hộ nghèo có khả năng thoát nghèo theo chỉ tiêu được giao báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) chậm nhất ngày 29/02/2024; thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo, đảm bảo đạt chỉ tiêu giao; trong đó, ưu tiên hỗ trợ cho hộ nghèo chính sách, người có công nhằm thực hiện tốt chủ trương xoá nghèo, cải thiện và nâng cao mức sống cho gia đình chính sách, người có công.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tích cực phối hợp, hỗ trợ, giám sát các địa phương có số lượng hộ nghèo nhiều, tỷ lệ hộ nghèo cao thực hiện hiệu quả các giải pháp giảm nghèo bền vững, đảm bảo đạt chỉ tiêu giảm nghèo đề ra.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - TB&XH;
- Văn phòng Quốc gia giảm nghèo;
- Thường trực: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh (thành lập tại Quyết định số 2535/QĐ - UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh);
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Tuấn**

**Phụ lục**  
**GIAO CHỈ TIÊU GIẢM SỐ HỘ NGHÈO NĂM 2024**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số #sov/QĐ-UBND ngày #nbh/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Hộ nghèo năm 2022	Tổng số hộ dân năm 2023	Hộ nghèo năm 2023		Chỉ tiêu kế hoạch giảm số hộ nghèo năm 2024
				Tổng số hộ	Tỷ lệ	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
<b>Toàn tỉnh (I+II)</b>		<b>29.146</b>	<b>442.673</b>	<b>24.669</b>	<b>5,57</b>	<b>2.900</b>
<b>I</b>	<b>Khu vực đồng bằng</b>	<b>5.868</b>	<b>354.648</b>	<b>5.263</b>	<b>1,48</b>	<b>137</b>
1	Tam Kỳ	213	34.083	201	0,59	0
2	Hội An	28	23.557	23	0,10	0
3	Đại Lộc	675	42.657	574	1,35	11
4	Điện Bàn	481	61.645	420	0,68	4
5	Duy Xuyên	886	37.957	781	2,06	48
6	Thăng Bình	1.397	55.846	1.269	2,27	41
7	Quế Sơn	1.027	29.859	916	3,07	23
8	Núi Thành	679	45.898	632	1,38	10
9	Phú Ninh	482	23.146	447	1,93	0
<b>II</b>	<b>Khu vực miền núi</b>	<b>23.278</b>	<b>88.025</b>	<b>19.406</b>	<b>22,05</b>	<b>2.763</b>
<b>06 huyện nghèo</b>		<b>20.916</b>	<b>47.561</b>	<b>17.300</b>	<b>36,37</b>	<b>2.603</b>
10	Tây Giang	3.205	5.647	2.858	50,61	324
11	Phước Sơn	2.412	6.994	1.933	27,64	390
12	Nam Trà My	3.609	8.166	2.964	36,30	330
13	Bắc Trà My	5.089	11.612	4.013	34,56	725
14	Đông Giang	3.394	7.683	2.878	37,46	474
15	Nam Giang	3.207	7.459	2.654	35,58	360
<b>03 huyện miền núi thấp</b>		<b>2.362</b>	<b>40.464</b>	<b>2.106</b>	<b>5,20</b>	<b>160</b>
16	Hiệp Đức	914	12.179	783	6,43	115
17	Tiên Phước	726	18.983	649	3,42	35
18	Nông Sơn	722	9.302	674	7,25	10